TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2026
"V/v Ly hôn giữa bà N và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Nguyễn Ngọc Duyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh An Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp H, xã T, tỉnh An Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Phạm Thị N trình bày như sau:

Bà Phạm Thị N (gọi tắt là bà N) và ông Nguyễn Văn T (gọi tắt là ông T) chung sống với nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/8/2008 theo quy định.

Sau một thời gian dài chung sống hạnh phúc thì đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông T có tính ghen tuông mỗi khi uống rượu thường về nhà kiếm chuyện nói bóng gió, dùng những lời lẽ xúc phạm tới bà N đồng thời luôn để ý theo dõi vợ đi đâu làm gì khiến bà N cảm thấy ngột ngạt. Vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không tìm được tiếng nói chung nên bà N đã tự sống ly thân với ông T khoảng một năm. Đến nay nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn được nên bà N xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà N xác định vợ chồng có ba người con chung tên Nguyễn Thị Yến N1 sinh ngày 26/7/2000, Nguyễn Thị Yến L sinh ngày 16/5/2005 đều đã trưởng thành và phát triển bình thường, đối với con chung tên Nguyễn Quốc L1 sinh ngày 06/12/2010 khi ly hôn bà N có nguyện vọng được nuôi và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên toà bà N trình bày nếu cháu Nguyễn Quốc L1 có nguyện vọng sống với cha bà N cũng đồng ý, trường hợp ông T không nuôi con thì bà N xin được nuôi cháu Nguyễn Quốc L1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà N xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với nội dung khởi kiện của bà Phạm Thị N, tại phiên toà ông Nguyễn Văn T có ý kiến trình bày như sau:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà N về thời gian vợ chồng chung sống vào năm 1999 trên cơ sở tự nguyện và sau khi sinh con vợ chồng mới đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông T xác định giữa vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn dẫn đến phải ly hôn, cho T cho rằng những lời trình bày của bà N về mâu thuẫn vợ chồng là chưa chính xác mà bất đồng giữa vợ chồng xảy ra nguyên nhân do bà N cư xử chưa đúng đắn khi nhắn tin qua lại và còn mua đồ cho người đàn ông khác ở cùng xóm. Ông T đã bỏ qua cho việc làm này của vợ nhưng không còn tin tưởng vợ như trước. Đến nay ông T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn và mong muốn bà N quay về để cùng chồng lo cho gia đình và con cái.

Về con chung ông T thống nhất với trình bày của bà N, xác định vợ chồng có

03 người con chung trong đó hai con gái lớn tên Nguyễn Thị Yến N1 và Nguyễn Thị Yến L đã trưởng thành có gia đình, đối với cháu Nguyễn Quốc L1 chưa trưởng thành cũng đã đi làm có thu nhập. Ông T không đồng ý nuôi cháu Nguyễn Quốc L1 trong trường hợp Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về tài sản chung: Ông T không có yêu cầu.

Về nợ chung: Ông T xác định vợ chồng hiện có nợ chung do vay tiền ngân hàng và yêu cầu bà N phải có trách nhiệm với nợ chung của vợ chồng.

Ý kiến của con chung: Cháu Nguyễn Quốc L1 trình bày nguyện vọng muốn được sống với cha.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau:

Về hôn nhân bà N yêu cầu được ly hôn, ông T không thống nhất ly hôn. Về con chung ông, bà xác định vợ chồng có ba người con chung, hiện nay các cháu Nguyễn Thị Yến N1 và Nguyễn Thị Yến L đã trưởng thành, phát triển bình thường và đều đã có gia đình, còn cháu Nguyễn Quốc L1 sinh ngày 06/12/2010 chưa trưởng thành nhưng đã đi làm và có thu nhập. Bà N có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Quốc L sau khi ly hôn và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, ông T không đồng ý nuôi cháu Nguyễn Quốc L1 khi ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án ly hôn này.

Thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy căn cước công dân (bản công chứng); giấy khai sinh của các con chung. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện theo quy định, không có kiến nghị về phần tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà N được ly hôn với ông T; về con chung giao cháu Nguyễn Quốc L1 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn xã Tây Yên, tỉnh An Giang. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7- An Giang.

Quan hệ pháp luật: Bà N yêu cầu ly hôn với ông T và yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà N và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó xác định hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của của các đương sự và kết quả xác minh từ địa phương, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T xuất phát từ việc cư xử chưa đúng mực của bà N với người đàn ông khác dẫn đến ông T nảy sinh tính ghen tuông từ đó sau mỗi lần uống rượu về ông T thường có những lời lẽ bóng gió làm cho tinh thần của bà N cảm thấy không thoái mải. Cũng từ việc ghen tuông nên ông T không còn tin tưởng vợ mình từ đó có sự nghi ngờ để ý theo dõi mọi việc làm của vợ làm cho bà N cảm thấy cuộc sống ngột ngạt từ đó mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, không còn tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay bà N đã tự ly thân với chồng khoảng một năm, Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng bà N không có thiện chí hàn gắn hôn nhân. Tại phiên toà hôm nay bà N vẫn tiếp tục yêu cầu được ly hôn mặc dù đã được Hội đồng xét xử tiếp tục động viên, hoà giải đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, giải quyết cho bà N ly hôn với ông T**.**

Về con chung: Bà N và ông T có ba người con chung trong đó các cháu Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 26/7/2000 và Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày

16/5/2005 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Quốc L1, sinh ngày 06/12/2010 mặc dù có nguyện vọng được sống với cha tuy nhiên tại phiên toà ông T không thống nhất việc nuôi cháu Nguyễn Quốc L1 khi ly hôn đồng thời bà N tiếp tục có nguyện vọng được nuôi con, xét thấy hiện nay của bà N và cháu L1 đều đi làm công nhân tại Bình Dương việc mẹ con ở gần nhau thuận lợi cho bà N có điều kiện quan tâm, chăm sóc và giáo dục con chung do đó trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Quốc L1 cho bà N nuôi dưỡng sau khi bà N và ông T ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Quốc L1.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà N xác định không có nên không xem xét. Trường hợp ông T có yêu cầu hay tranh chấp về tài sản chung và nợ chung có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà N là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- An Giang tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Các con chung tên Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 26/7/2000, Nguyễn Thị Yến L, sinh ngày 16/5/2005 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Quốc L1, sinh ngày 06/12/2010 cho bà Phạm Thị N nuôi dưỡng sau khi bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn T ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của bà Phạm Thị N không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Quốc L1 sau khi vợ chồng ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết ông, bà có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà Phạm Thị N xác định không có và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không không xem xét.

Trường hợp có tranh chấp về tài sản chung hay nợ chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn T có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị N có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008306 ngày 12/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7-An Giang. Bà Phạm Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 7- An Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Đông Thái ;
- Lưu, HS, VP.